TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 9 - 2025
V/v ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Điệp
Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư kY2 phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư kY2 Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY2 số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Huyền Tr, sinh năm 1996 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp BS, xã TB, huyện GR, tỉnh KG (nay ấp BS, xã GR, tỉnh AG)

- *Bị đơn:* Anh Chung Tấn T, sinh năm 1995 (xin xét xử vắng mặt).

HKTT: KP 6, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG (nay là ấp 6, xã GR, tỉnh AG).

Đang chấp hành án tại: Trại giam Cái Tàu (phân trại 1), ấp 7, xã KA, huyện UM, tỉnh CM (Nay ấp 7, xã KA, tỉnh CM)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Huyền Tr trình bày: Chị Tr và anh Chung Tấn T chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới có đăng kY2 kết hôn tại UBND xã Thạnh Bình, huyện GR, tỉnh KG. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong việc phát triển kinh tế gia đình. Sau đó anh T bỏ nhà đi không biết đi đâu làm gì đến khi chị xem tivi thì được biết anh T bị bắt và đưa ra xét xử, bị giam tại Trại giam Cái Tàu của tỉnh Cà Mau. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chờ đợi và tiếp

tục chung sống vợ chồng với anh T. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Chung Tấn T.

Về con chung chị Tr xác định có 02 người con chung là Trần Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Trần Như Y2, sinh ngày 31/5/2015, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2025, bị đơn anh Chung Tấn T trình bày: Anh T và chị Trần Thị Huyền Tr chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng kY2 kết hôn tại UBND thị trấn GR, tỉnh KG. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, nhưng do anh không lo làm ăn, chỉ chơi và bỏ nhà đi từ năm 2019 không còn chung sống với chị Tr.

Về con chung anh T và chị Tr có với nhau 02 người con chung tên Trần Kim Y, sinh năm 2013 và Trần Như Y2, sinh năm 2015, hiện đang sống cùng với chị Tr. Nay anh đồng Y2 giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung nợ chung: Anh T xác định không có. Do hiện tại anh T đang chấp hành án nên anh xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu Y2 kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Tr, anh T tiến tới hôn nhân có đăng kY2 kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện tại anh Chung Tấn T đang chấp hành án tại trại giam và có Y2 kiến đồng Y2 ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Từ đó, xét thấy hôn nhân giữa chị Tr anh T đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung chị Tr anh T xác định có 02 người con chung là Trần Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Trần Như Y2, sinh ngày 31/5/2015. Anh T đồng Y2 giao con chung cho chị Tr trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Chung Tấn T. Về con chung: Giao Trần Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Trần Như Y2, sinh ngày 31/5/2015, cho chị Tr trựuc tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Tr không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lY2 và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lY2 đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Chung Tấn T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại KP 6, thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG (nay ấp 6, xã GR, tỉnh AG) nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Huyền Tr và anh Chung Tấn T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng kY2 kết hôn ngày 30/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Bình, huyện GR, tỉnh KG, theo thẩm quyền đăng kY2 kết hôn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị Tr cho rằng anh T không lo làm ăn chỉ biết ăn chơi và có hành vi vi phạm pháp luật đang chấp hành án tại trại giam Cái Tàu, chị không thể chờ đợi và tha lỗi cho anh T được. Nay chị không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh T. Đối với bị đơn Tòa án đã thông báo và tiến hành lấy lời khai theo quy định, bị đơn anh Chung Tấn T xác định đồng

Y2 ly theo yêu cầu chị Tr. Nên xét thấy, hôn nhân giữa chị Tr anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị Tr, anh T xác định có 02 người con gồm Trần Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Trần Như Y2, sinh ngày 31/5/2015. Anh T đồng Y2 giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận giao con chung cho chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và cháu Y2. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Tr không yêu cầu.

Cháu Y, cháu Y2 có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Trần Thị Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY2 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Chung Tấn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao các cháu Trần Kim Y, sinh ngày 25/10/2013 và Trần Như Y2, sinh ngày 31/5/2015, cho chị Trần Thị Huyền Tr trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, anh Chung Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Tr không yêu cầu.

Cháu Y, cháu Y2 có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 00012976 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GR, tỉnh KG (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang).

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Huyền Tr, anh Chung Tấn T vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên